

Số: /KH-SNN

Hà Tĩnh, ngày tháng 11 năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

### **Ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN, phát triển Chính quyền số năm 2021**

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2020 của Chính Phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính Phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Chỉ thị 08/CT-UBND ngày 17/05/2018 của UBND tỉnh về tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và ban hành văn bản 379/STTTT-CNTT ngày 21/5/2018 về việc thực hiện Chỉ thị 08/CT-UBND của UBND tỉnh;

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động thực hiện Nghị Quyết 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 23/03/2016 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36a-NQ/CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 498/KH-UBND ngày 30/12/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 V/v quy định một số chính sách đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm cải thiện chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2017-2020;

- Thực tiễn của ngành và kết quả thực hiện Kế hoạch CNTT Năm 2021:

#### **II. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2021**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước thông qua ứng dụng CNTT trong điều hành chỉ đạo công việc;

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống mạng Lan, mạng Internet, hệ thống các phần mềm ứng dụng, các phần mềm dùng chung.

- Đảm bảo lộ trình xây dựng Chính quyền điện tử theo khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Tĩnh phiên bản 1.0 được phê duyệt tại Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của UBND tỉnh.

- Xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho việc quản lý, phát triển của ngành.

- Từng bước thực hiện Số hoá, lưu trữ các tài liệu số hoá qua các thời kỳ.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng các giải pháp triển khai chính sách đào tạo nhân lực; sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT trong nước đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng phù hợp.

- Triển khai ứng dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ công tác cải cách hành chính như: phần mềm Dịch vụ công; phần mềm quản lý hồ sơ công việc; phần mềm quản lý đăng ký kinh doanh; phần mềm quản lý HTX, hộ kinh doanh. Cập nhật đầy đủ các kênh thông tin vào Cổng thông tin điện tử của Sở, công khai 100% các thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công mức độ 3, 4 trên môi trường mạng.

- Thực hiện đồng bộ việc trao đổi văn bản, chỉ đạo điều hành qua mạng trong nội bộ cơ quan, ứng dụng hiệu quả các phần mềm hồ sơ công việc chỉ đạo điều hành để quản lý, xử lý văn bản qua mạng, đáp ứng yêu cầu văn phòng điện tử di động ở mọi lúc, mọi nơi.

- Tham gia và tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn đội ngũ CBCC người lao động sử dụng thành thạo máy tính, máy in, các thiết bị CNTT đã được trang bị đáp ứng tốt kỹ năng ứng dụng CNTT trong thời gian tới...

- Tập trung ưu tiên đầu tư nâng cấp các trang thiết bị tin học, đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng cao trong việc ứng dụng CNTT cũng như từng bước hiện đại hoá nền hành chính nhà nước trong cơ quan Sở.

## **III. NHIỆM VỤ**

### **1. Môi trường chính sách:**

- Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan nhà nước của trung ương và của tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị ưu tiên nguồn lực cho phát triển công nghệ thông tin để đảm bảo lộ trình xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện tổ chức sách cho cán bộ chuyên trách Công nghệ thông tin. Các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho cán bộ công chức.

- rà soát, sửa đổi bổ sung quy chế quản lý và cung cấp thông tin cho cổng thông tin điện tử ngành.

- Rà soát, xây dựng quy chế phối hợp sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin các đơn vị đóng trong tòa nhà trụ sở ngành.

## **2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật.**

- Tiếp tục duy trì và phát triển hạ tầng kỹ thuật tại Sở và các đơn vị thuộc Sở nhằm đảm bảo hoạt động ổn, đáp ứng nhu cầu công tác.

- Có chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật tại các đơn vị ở xa, các đơn vị đóng tại vùng rừng núi, vùng biển, các đơn vị còn khó khăn như: Các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; Ban quản lý cảng cá...

- Bổ sung trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Áp dụng đồng thời các biện pháp bảo vệ như cài đặt phần mềm quét, diệt virus, sao lưu dữ liệu; áp dụng chính sách đảm bảo an toàn thông tin kết hợp giáo dục ý thức bảo vệ an toàn an ninh thông tin cho người dùng; an toàn về nguồn điện, phòng cháy chữa cháy,...

## **3. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT.**

### ***3.1 Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.***

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp cổng thông tin điện tử ngành, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; Cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân và doanh nghiệp đặc biệt là các nội dung về: chủ trương chính sách, khuyến khích đầu tư; mục hỏi đáp, liên hệ... Cung cấp môi trường để người dân tham gia ý kiến trong qua trình điều hành chỉ đạo của ngành...

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đã được xây dựng. Từng bước xây dựng, hoàn thiện các dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính đã được công bố.

- Phối hợp với Bưu điện, tiếp tục khuyến khích phát triển dịch vụ bưu chính công ích.

### ***3.2. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ (chữ ký số, phần mềm điều hành tác nghiệp, các hệ thống cơ sở dữ liệu...)***

- Triển khai hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc, Cổng TTĐT luôn được cập nhật cung cấp các thông tin liên quan đến ngành, đảm bảo tính công khai minh bạch các TTHC, nâng cấp dịch vụ hành chính công ở mức độ 3.

- 100% văn bản đi được ký số trên môi trường mạng nhằm đảm bảo về tính pháp lý của văn bản điện tử và chữ ký số trong liên thông hệ thống, hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng và gửi công văn bằng văn bản giấy;

- 100% các văn bản, tài liệu trao đổi giữa các phòng, đơn vị trực thuộc Sở được trao đổi trên hệ thống gửi nhận văn bản điện tử (không bao gồm các tài liệu mật và tối mật);

- Thường xuyên đôn đốc các phòng, ban, đơn vị trong việc quản lý an toàn thông tin, lưu trữ dữ liệu được thuận tiện và an toàn.

#### **4. Đảm bảo an toàn thông tin**

- Rà soát, thường xuyên cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan kịp thời, đúng quy định.

- Rà soát đánh giá hiện trạng, năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc trong cơ quan. Tham mưu nâng cấp các thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin trong tình hình mới.

- Cử cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin; tham gia các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn;

#### **5. Phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Trung ương, của tỉnh về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành.

- Đào tạo, bồi dưỡng Giám đốc Công nghệ thông tin. Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách Công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, đặc biệt là quá trình xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến đô thị thông minh và xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động tham dự các khóa đào tạo tập huấn nâng cao kiến thức công nghệ thông tin nhằm đạt chuẩn yêu cầu theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông. Năm 2019 tạo điều kiện cho các cán bộ chưa có chứng chỉ đạt chuẩn theo yêu cầu tại thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông tham gia học và thi cấp chứng chỉ, hướng tới mục tiêu 100% cán bộ công chức đạt chuẩn.

### **IV. GIẢI PHÁP**

#### **1. Giải pháp môi trường chính sách gắn với tuyên truyền:**

- Tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ công chức trong lĩnh vực này.

- Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực cho ứng dụng Công nghệ thông tin và ban hành cơ chế chính sách, ban hành các quy định trong quản lý, khai thác và ứng dụng CNTT trong công tác chuyên môn.

#### **2. Giải pháp tài chính:**

Ngoài các nguồn tài chính tự chủ của cơ quan để đầu tư mua sắm, nâng cấp các thiết bị CNTT; các dự án chủ yếu xin hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh theo cơ chế đặc thù của cơ quan, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm

nhất là đầu tư ứng dụng CNTT gắn với cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

### **3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính và xây dựng CQĐT:**

- Hoàn thiện bộ thủ tục hành chính theo quy trình mười của thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở để cập nhật vào phần mềm dịch vụ công.

- Thực hiện Chương trình phối hợp Thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2017-2020 (Văn bản số 3035/CTPH-BTTTT-BNV ngày 22/8/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ);

- Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện các nội dung khác để gắn kết chặt chẽ các hoạt động ứng dụng CNTT với hoạt động cải cách hành chính.

### **4. Giải pháp tổ chức, triển khai**

- Tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức trong lĩnh vực này.

- Thực hiện chính sách thu hút nguồn lực cho ứng dụng Công nghệ thông tin và ban hành cơ chế chính sách, ban hành các quy định trong quản lý, khai thác và ứng dụng CNTT trong công tác chuyên môn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, công dân, doanh nghiệp về các ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính như Cổng thông tin điện tử, các dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các thiết bị ứng dụng tra cứu về thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Tổ chức tuyên truyền, khuyến khích tổ chức, công dân, doanh nghiệp về các dịch vụ công mức độ 3,4 do Sở cung cấp.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng Sở**

- Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT Sở, chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin hàng năm;

- Chủ trì, phối hợp các phòng liên quan duy trì một cửa điện tử, các quy trình giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định, làm cơ sở cho việc ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin;

- Chủ trì chương trình cải cách hành chính, tạo cơ sở cho ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước, từng bước xây dựng “chính quyền điện tử”;

- Tăng cường vai trò tham mưu quản lý nhà nước về ứng dụng CNTT, thường xuyên kiểm tra giám sát, đôn đốc, đánh giá, báo cáo việc triển khai ứng

dụng công nghệ thông tin của các phòng, đơn vị thuộc Sở;

- Phối hợp với các tổ chức tiếp nhận, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung do Bộ, tỉnh cung cấp;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho cán bộ, công chức các phòng, ban, đơn vị.

- Bố trí ngân sách đầu tư cho công tác duy trì, bảo trì, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo kinh phí kịp thời, đúng quy định;

## **2. Các phòng, đơn vị thuộc Sở**

Các phòng đơn, đơn vị thuộc Sở căn cứ Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Sở Năm 2021 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh và các bộ, ngành liên quan, cụ thể hóa thành nội dung, kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị mình; Theo dõi, tổng hợp đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch và báo cáo Sở theo quy định. Huy động mọi nguồn lực phục vụ việc ứng dụng CNTT, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ đầu tư của Trung ương, của tỉnh, góp phần đẩy mạnh CCHC, xây dựng nền hành chính điện tử.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Sở Nông nghiệp và PTNT Năm 2021, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT, VP./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Đức Nhân**

**PHỤ LỤC:**

**Danh mục các nhiệm vụ thực hiện năm 2021**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN, ngày tháng năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

<b>TT</b>	<b>Tên nhiệm vụ, dự án</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hay dự án mới</b>	<b>Đơn vị Chủ trì</b>	<b>Thời gian triển khai</b>	<b>Tổng mức đầu tư (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn vốn</b>
1	Nâng cấp, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CNTT như: Thiết bị mạng nội bộ, máy tính, thiết bị tường lửa, máy in...		VP, các đơn vị thuộc Sở	Cả năm 2021	650	Ngân sách địa phương
2	Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu ngành Thủy sản;	Dự án chuyển tiếp Cập nhật, khai thác, sử dụng số liệu	Chi cục Thủy sản	Năm 2021 và các năm tiếp theo	100	Ngân sách Trung ương và địa phương
3	Vận hành hệ thống phần mềm quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và truy xuất nguồn gốc		Chi cục QLCLNLTS	Cả năm 2021	70	Ngân sách địa phương
4	Vận hành và bảo trì cổng thông tin điện tử Sở: sonongnghiep.hatinh.gov.vn		Văn phòng Sở	Cả năm 2021	120	Ngân sách địa phương
5	Vận hành trang thông tin điện tử các đơn vị thuộc Sở		Các đơn vị có trang thông tin điện tử	Cả năm 2021	100	Ngân sách địa phương
6	Phí duy trì Internet cáp quang		VP, các đơn vị thuộc Sở	Cả năm 2021	130	Ngân sách địa phương
7	Đào tạo, tập huấn		VP, các đơn vị thuộc Sở	Cả năm 2021	100	Ngân sách địa phương

8	Phí duy trì và vận hành dịch vụ SmsBrandName		Văn phòng Sở	Cả năm 2021	16	Ngân sách địa phương
<b>Tổng cộng:</b>					<b>1.286</b>	
		<b>Một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu đồng</b>				